

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AA
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: **338/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 30/6/2023

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AA TỈNH TIỀN GIANG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Trúc Mai**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Lê Văn Minh**

2/ Ông **Nguyễn Văn Y**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Anh Thư** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện AA, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện AA, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà **Trần Ngọc Hà** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện AA, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 169/2023/TLST-HNGĐ ngày 17/4/2023 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/5/2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 71/2023/QĐST-HNGĐ ngày 12/6/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Lê Thị Thanh T, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Ấp P, xã P, Thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Nguyễn Văn H, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Ấp T, xã D, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Chị T có mặt, anh H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai ngày 30/3/2023, bản tự khai ngày 05/5/2023 và lời khai trong suốt quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Thanh T trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Văn H là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 01/2007 ngày 04/5/2007. Thời gian đầu sau khi kết hôn, anh chị chung sống tương đối hạnh phúc, đến khoảng năm 2008 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân, anh H thường nhậu nhẹt, về

nhà là đánh đập và xúc phạm chửi bới chị. Mẹ chồng do bức tức anh H nên thường cáu gắt với chị. Sau khi cưới, chị chỉ làm dâu bên nhà chồng được hơn 01 tháng, sau đó thì chị về bên mẹ ruột cất nhà sinh sống, anh H có theo chị về sống bên quê vợ được hơn 10 năm. Đến tháng 01/2023, vợ chồng lại gây gổ và đánh nhau, anh H bỏ nhà ra đi từ thời gian đó đến nay. Đôi bên không còn liên lạc với nhau nữa.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau. Vì vậy, chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị các vấn đề sau:

Về hôn nhân: Chị T yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 07/01/2008, Nguyễn Thị Ngọc H1, sinh ngày 27/3/2010 và Nguyễn Thị Ngọc G, sinh ngày 18/11/2018. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung đến khi trưởng thành. Chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị trình bày không có.

* *Bị đơn anh* Nguyễn Văn H đã được tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng để tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng anh vẫn vắng mặt không lý do và cũng không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của anh đối với các yêu cầu khởi kiện của chị T.

Tại phiên tòa hôm nay

- Chị T vẫn giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện đối với anh H.
- Anh H vẫn vắng mặt, không lý do.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện AA, tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến:
 - + *Về phần thủ tục*, kể từ thời điểm thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành và tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Bị đơn đã không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của bị đơn được quy định trong Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ *Về việc giải quyết vụ án*, trên cơ sở phân tích các quy định pháp luật, đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Các vấn đề về tài sản chung, nợ chung, chị T trình bày không có, nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của chị T tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Mặc dù bị đơn Nguyễn Văn H đã được Tòa án nhiều lần tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham dự phiên tòa, nhưng anh vẫn vắng mặt không rõ

lý do. Căn cứ vào Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Vụ án có quan hệ tranh chấp “*Ly hôn*”.

[3] Về hôn nhân: Chị Lê Thị Thanh T và anh Nguyễn Văn H xác lập quan hệ hôn nhân hợp pháp, được Ủy ban nhân dân xã D, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 01/2007, ngày 04/5/2007.

Tại phiên tòa, chị T trình bày nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do anh H thường đi nhậu nhẹt, không chịu lo làm để cùng chị phát triển kinh tế gia đình và chăm lo cho 03 con chung. Mặc dù sống bên quê vợ, nhưng mỗi lần nhậu về, khi được chị T khuyên nên “bỏ rượu” để cùng chị lo làm, lo nuôi dạy các con, thì anh H kiếm chuyện chửi, đánh; hơn thế, anh H còn rất nhiều lần hăm dọa giết mẹ con chị... Tình trạng này kéo dài hơn 10 năm, do đó chị kiên quyết ly hôn với anh H, mong Tòa án chấp nhận.

Lời trình bày của chị T có phần phù hợp với nội dung biên bản xác minh ngày 17/5/2023 (bút lục 23).

Đối với anh H, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án để tham gia các phiên hòa giải, công khai chứng cứ, tham gia phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp giữa anh và chị T. Từ đó cho thấy anh H không có thiện chí hàn gắn tình cảm, không muốn đoàn tụ với chị T.

Từ những phân tích trên, yêu cầu xin ly hôn anh H của chị T là có cơ sở. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh H.

[4] Về con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 07/01/2008; Nguyễn Thị Ngọc H1, sinh ngày 27/3/2010 và Nguyễn Thị Ngọc G, sinh ngày 18/11/2018. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi chị T và anh H ly thân cho đến nay, 03 con chung đều được chị T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, chị T có nghề nghiệp và thu nhập ổn định (bút lục 19, 23). Hai con chung N và H1 có nguyện vọng được sống chung với chị T khi cha mẹ ly hôn (bút lục 16, 17). Do đó, để đảm bảo cho sự phát triển ổn định và phù hợp với nguyện vọng của con chung N và H1, Hội đồng xét xử quyết định giao 03 con chung cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành theo quy định tại Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Sau khi ly hôn, anh H có quyền cũng như có nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung theo luật định, mà không ai được cản trở theo quy định tại Khoản 1 Điều 81 và Khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi 03 con chung: Hiện tại chị T không yêu cầu nên tạm thời anh H chưa phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 03 con chung.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là hoàn toàn phù hợp với những nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận toàn bộ.

[8] Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Áp dụng điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thanh T.

- *Về hôn nhân:* Chị Lê Thị Thanh T được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

- *Về con chung:* Tiếp tục giao 03 con chung tên Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 07/01/2008, Nguyễn Thị Ngọc H1, sinh ngày 27/3/2010 và Nguyễn Thị Ngọc G, sinh ngày 18/11/2018 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành.

Sau khi ly hôn, anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc 03 con chung theo luật định, mà không ai được cản trở.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung:* Anh H tạm thời chưa thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 03 con chung.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Không xem xét.

2/ Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, căn trừ với 300.000đồng tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0021587 ngày 10/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện AA, tỉnh Tiền Giang. Như vậy, chị T đã thực hiện xong nghĩa vụ án phí.

3/ Q kháng cáo:

Chị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND huyện AA;
- Chi cục THADS huyện AA;
- UBND xã A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

HUỲNH THỊ TRÚC MAI